

AASC

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Báo cáo tài chính năm 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đã được kiểm toán

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 • Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aasc.com.vn Website: www.aasc.com.vn



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sơ giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2017	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Trí	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG KỲ

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận kinh doanh trong năm 2017 lỗ: (29.039.127.754) đồng.

Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2017 là: (54.471.140.427) đồng

Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và lỗ lũy kế của công ty đến 31/12/2017:

- Các mặt hàng thành phẩm tồn kho của Công ty được sản xuất, chế biến để xuất bán vào thị trường nước ngoài, nhưng do các khách hàng tại thị trường này giảm sản lượng mua hàng dẫn đến Công ty phải thực hiện tái chế các thành phẩm tồn kho trên để bán vào các thị trường khác, nên đã làm tăng chi phí tái chế ảnh hưởng đến giá thành của Công ty.
- Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng không thuận lợi, các khách hàng không thanh toán tiền hàng đúng kỳ hạn nên Công ty đã không thể trả nợ cho các khoản vay với Ngân hàng nên phát sinh chi phí lãi vay lớn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
Mặt khác đối với các khoản nợ trên 1 năm không thu hồi được Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại thời điểm lập báo cáo, do giá trị các khoản đầu tư có giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ nên Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Đối với hàng tồn kho gồm: Nguyên liệu, vật liệu. Công cụ, dụng cụ. Thành phẩm. Hàng hóa chậm luân chuyển. Công ty thực hiện đánh giá và ước tính giá trị tồn thất, thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty;

2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THUY SÀN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRINH BÁ HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngày 25 tháng 03 năm 2018

Số: 305./BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



Tổng Giám Đốc

LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN THẮNG

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2018-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

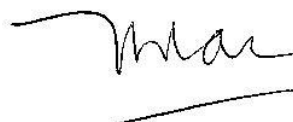
Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		251.605.960.162	224.409.451.398
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	398.100.778	2.257.357.063
1. Tiền	111		398.100.778	2.257.357.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2.1	182.970.600	162.205.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(348.029.400)	(368.794.800)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		18.854.644.007	21.362.578.625
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	18.575.971.601	19.584.370.617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.553.639.200	4.287.921.465
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	3.488.420.245	2.825.559.378
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(6.763.387.039)	(5.335.272.835)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.07	231.512.797.085	199.480.937.950
1. Hàng tồn kho	141		243.619.720.085	205.719.068.350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.106.923.000)	(6.238.130.400)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		657.447.692	1.146.372.560
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	467.838.549
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	657.447.692	678.534.011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.881.030.816	92.736.310.995
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		1.674.916.979	8.041.292.671
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	2.137.408.742	9.616.184.434
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(462.491.763)	(1.574.891.763)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		33.950.266.751	28.050.612.406
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	23.397.116.553	26.335.562.484
- Nguyên giá	222		120.682.270.229	120.576.470.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.285.153.676)	(94.240.907.745)
2. TSCĐ vô hình	227	V.09	10.553.150.198	1.715.049.922
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	5.788.007.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.657.728.295)	(4.072.957.678)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		4.478.372.769	4.616.372.769
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.478.372.769	4.616.372.769
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.2.2	24.602.512.825	42.441.625.037
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.992.000.000	18.534.213.101
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	36.954.332.423
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.608.912.825)	(13.046.920.487)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		174.961.492	9.586.408.112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	174.961.492	9.586.408.112
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		316.486.990.978	317.145.762.393

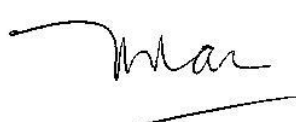
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		197.510.855.937	169.130.499.598
I. Nợ ngắn hạn	310		154.521.931.150	121.125.858.757
1. Phải trả cho người bán	311	V.11	83.034.153.667	24.489.573.180
2. Người mua trả tiền trước	312		3.061.329.768	1.299.036.422
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	29.958.811	-
4. Chi phí phải trả	315	V.13	600.000.000	600.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.1	4.353.819.935	4.798.404.120
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.1	57.180.239.162	83.602.345.046
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.262.429.807	6.336.499.989
II. Nợ dài hạn	330		42.988.924.787	48.004.640.841
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.2	36.768.924.787	38.404.640.841
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.2	6.220.000.000	9.600.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.976.135.041	148.015.262.795
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	118.976.135.041	148.015.262.795
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(54.471.140.427)	(25.432.012.673)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(25.432.012.673)	6.403.225.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(29.039.127.754)	(31.835.237.673)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		316.486.990.978	317.145.762.393

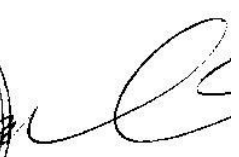


LAI TUYẾT THANH
 Người lập
 Ngày 25 tháng 03 năm 2018



LAI TUYẾT THANH
 Kế toán trưởng





TRỊNH BÁ HOÀNG
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		127.448.786.963	111.511.119.593
2.	Các khoản giảm trừ	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	127.448.786.963	111.511.119.593
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	118.956.732.815	94.025.396.874
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.492.054.148	17.485.722.719
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	376.126.657	2.978.505.519
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	18.269.753.813	19.952.974.221
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.583.926.939	6.702.785.768
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	4.952.784.675	7.416.391.159
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	14.651.925.080	20.649.651.396
10.	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29.006.282.763)	(27.554.788.538)
11.	Thu nhập khác	31		7.172.084	5.388.446
12.	Chi phí khác	32		40.017.075	4.285.837.581
13.	Lợi nhuận khác	40		(32.844.991)	(4.280.449.135)
14.	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(29.039.127.754)	(31.835.237.673)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(29.039.127.754)	(31.835.237.673)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(2.267)	(2.486)

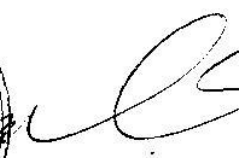


LAI TUYẾT THANH
 Người lập
 Ngày 25 tháng 03 năm 2018



LAI TUYẾT THANH
 Kế toán trưởng





TRỊNH BÁ HOÀNG
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

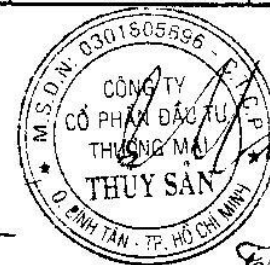
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(29.039.127.754)	(31.835.237.673)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.629.016.548	3.994.563.512
Các khoản dự phòng	03	19.193.717.154	21.885.360.046
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	934.822.210	(17.218.400)
Chi phí lãi vay	06	4.583.926.939	6.702.785.768
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(697.644.902)	730.253.253
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7.935.120.974	(306.268.728)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(37.900.651.735)	(9.360.737.757)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	58.256.532.405	23.855.636.260
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	126.575.727	1.281.783.717
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.583.926.939)	(6.702.785.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(2.206.317.914)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	12.205.456.391
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(74.070.182)	(219.613.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.061.935.348	19.277.406.216
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(105.800.000)	(1.851.740.746)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.985.017.782	24.272.637.300
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.696.469	17.218.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.880.914.251	22.438.114.954
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	118.104.935.629	150.381.294.659
Tiền trả nợ gốc vay	34	(147.907.041.513)	(191.346.800.464)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.802.105.884)	(40.965.505.805)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.859.256.285)	750.015.365
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.257.357.063	1.507.341.698
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	398.100.778	2.257.357.063

(Signature)

LẠI TUYẾT THANH
 Người lập
 Ngày 25 tháng 03 năm 2018

(Signature)

LẠI TUYẾT THANH
 Kế toán trưởng



(Signature)

Trình Bá Hoàng
 TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2017	128.070.000.000 đồng

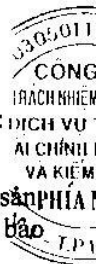
Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- ✓ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- ✓ Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- ✓ Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- ✓ Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- ✓ Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- ✓ Mua bán hàng nông - lâm - thủy - hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- ✓ Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- ✓ Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- ✓ Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- ✓ Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/L, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**
- Các mặt hàng thành phẩm tồn kho của Công ty được sản xuất, chế biến để xuất bán vào thị trường nước ngoài, nhưng do các khách hàng tại thị trường này giảm sản lượng mua hàng dẫn đến Công ty phải thực hiện tái chế các thành phẩm tồn kho trên để bán vào các thị trường khác, nên đã làm tăng chi phí tái chế ảnh hưởng đến giá thành của Công ty.
 - Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng không thuận lợi, các khách hàng không thanh toán tiền hàng đúng kỳ hạn nên Công ty đã không thể trả nợ cho các khoản vay với Ngân hàng nên phát sinh chi phí lãi vay lớn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Mặt khác đối với các khoản nợ trên 1 năm không thu hồi được Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại thời điểm lập báo cáo, do giá trị các khoản đầu tư có giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ nên Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Đối với hàng tồn kho gồm: Nguyên liệu, vật liệu. Công cụ, dụng cụ. Thành phẩm. Hàng hóa chậm luân chuyển. Công ty thực hiện đánh giá và ước tính giá trị tồn thất, thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty;

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp để so sánh với số liệu cuối kỳ.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính và các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của quyền sử dụng đất đến tháng 9 năm 2049.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm

8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh theo Thông tư 201/2009/BTC được phân bổ vào chi phí tài chính với thời gian là 5 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian dao động từ 03 – 05 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán điều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17,5% và 8 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/L, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	40.221.210	14.618.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	357.879.568	2.242.738.086
Cộng	<u>398.100.778</u>	<u>2.257.357.063</u>

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	182.970.600	348.029.400	531.000.000	162.205.200	368.794.800

Khoản đầu tư mua 7.836 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2017, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2.2. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc ngàn VNĐ	Giá trị hợp lý ngàn VNĐ	Dự phòng ngàn VNĐ	Giá gốc ngàn VNĐ	Giá trị hợp lý ngàn VNĐ	Dự phòng ngàn VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	-	1.499.200	18.534.213	-	2.946.920
Đầu tư vào đơn vị khác	22.219.426	-	11.109.713	36.954.332	-	10.100.000
Cộng	37.211.426	-	12.608.913	55.488.546	-	13.046.920

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Giá trị đầu tư	
	31/12/2017	01/01/2017
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Châu Âu	-	3.542.213.101
Cộng	14.992.000.000	18.534.213.101

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2017 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng tương đương 49%.

2.2.2. Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga	-	4.634.906.773
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	22.219.425.650	22.219.425.650
Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu	-	10.100.000.000
Cộng	22.219.425.650	36.954.332.423

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2012 với số vốn góp tại ngày 31/12/2017 là 22.219.425.650 đồng, tương đương tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga. Mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	18.575.971.601	19.584.370.617
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	18.575.971.601	19.584.370.617
- Dragon Sourcing Group Limited	9.087.663.520	9.087.663.520
- Kim Distri	1.989.597.162	2.553.194.304
- FOOD PARTNERS CO SA	1.636.191.790	6.402.621.260
- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	1.304.172.250	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.558.346.879	1.540.891.533
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>18.575.971.601</u>	<u>19.584.370.617</u>

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Công ty TNHH Minh Phương	3.109.860.000	3.109.860.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	443.779.200	1.178.061.465
Cộng	<u>3.553.639.200</u>	<u>4.287.921.465</u>

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>	Giá trị <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>
5.1 Phải thu khác ngắn hạn	3.488.420.245	-	2.825.559.378	-
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	3.488.420.245	-	2.825.559.378	-
<i>Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn</i>	2.258.330.983	-	1.591.229.943	-
<i>Tạm ứng</i>	1.115.989.262	-	131.250.000	-
<i>Phải thu khác</i>	114.100.000	-	1.103.079.435	-
5.2 Phải thu khác dài hạn	2.137.408.742	(462.491.763)	9.616.184.434	(1.574.891.763)
<i>Phải thu từ bên liên quan</i>	462.491.763	(462.491.763)	462.491.763	(462.491.763)
- ICF US	462.491.763	(462.491.763)	462.491.763	(462.491.763)
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	1.674.916.979	-	9.153.692.671	(1.112.400.000)
- Ông Đặng Văn Đoàn	-	-	1.112.400.000	(1.112.400.000)
- Công ty CP TM TS Á Châu	1.674.916.979	-	8.041.292.671	-
Cộng	<u>5.625.828.987</u>	<u>(462.491.763)</u>	<u>12.441.743.812</u>	<u>(1.574.891.763)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	<i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i>					
Golden sea	trên 3 năm	402.022.575	-	trên 3 năm	791.441.075	-
ICF US	trên 3 năm	462.491.763	-	trên 3 năm	462.491.763	-
Mr Đặng Văn Đoàn	trên 3 năm	-	-	trên 3 năm	1.112.400.000	-
Dragon sourcing	Trên 2 năm	9.087.663.520	-	Trên 1 năm	9.087.663.520	-
Cộng		9.952.177.858	-		11.453.996.358	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	216.357.506.109	-	177.377.498.991	-
- NVL nhập khẩu	60.973.154.072	-	-	-
- NVL trong nước	4.943.642.282	-	12.361.904.105	-
- BTP nhập khẩu	9.617.922.478	-	5.863.819.212	-
- BTP trong nước	134.988.549.203	(7.832.895.888)	153.182.549.332	(1.964.103.288)
- Vật liệu phụ, bao bì	5.834.238.074	-	5.969.225.757	-
Công cụ dụng cụ	2.794.350.274	-	2.686.166.386	-
Chi phí sản xuất dở dang	4.271.689	-	36.333.448	-
Thành phẩm	23.325.447.363	(4.274.027.112)	25.470.190.064	(4.274.027.112)
Hàng gửi bán	1.138.144.650	-	148.880.046	-
Cộng	243.619.720.085	(12.106.923.000)	205.719.068.350	(6.238.130.400)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc, thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị quản lý <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	43.718.683.540	67.304.751.844	7.734.556.758	1.818.478.087	120.576.470.229
Tăng trong năm	-	70.000.000	-	35.800.000	105.800.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	43.718.683.540	67.374.751.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.682.270.229
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	26.045.035.988	60.558.748.991	5.838.520.694	1.798.602.072	94.240.907.745
Khấu hao	1.670.631.457	959.708.629	398.886.923	15.018.922	3.044.245.931
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	27.715.667.445	61.518.457.620	6.237.407.617	1.813.620.994	97.285.153.676
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	<u>17.673.647.552</u>	<u>6.746.002.853</u>	<u>1.896.036.064</u>	<u>19.876.015</u>	<u>26.335.562.484</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>16.003.016.095</u>	<u>5.856.294.224</u>	<u>1.497.149.141</u>	<u>40.657.093</u>	<u>23.397.116.553</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 51.777.756.867 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 16 trang 25 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu số 000022/HD0/033-10.TS.3.1/2017 ngày 20/03/2017. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 20/03/2017 đến ngày 20/03/2018).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	5.712.920.000		75.087.600	5.788.007.600
Tăng trong năm	-	9.284.870.893	138.000.000	9.422.870.893
Giảm trong năm	-			-
Tại ngày 31/12/2017	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	3.997.870.078		75.087.600	4.072.957.678
Khấu hao	285.645.996	276.124.623	22.999.998	584.770.617
Giảm trong năm	-			-
Tại ngày 31/12/2017	4.283.516.074	276.124.623	98.087.598	4.657.728.295
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	1.715.049.922	-	-	1.715.049.922
Tại ngày 31/12/2017	1.429.403.926	9.008.746.270	115.000.002	10.553.150.198

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số M CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m². Thời hạn sử dụng đến tháng 9/2049.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí đầu tư vùng nuôi	4.478.372.769	4.478.372.769
Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	138.000.000
Cộng	4.478.372.769	4.616.372.769

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Tiền thuê đất	174.961.492	9.586.408.112
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	-	8.779.419.693
Chi phí trả trước dài hạn khác	174.961.492	699.846.212
	-	107.142.207
Cộng	174.961.492	9.586.408.112

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	83.034.153.667	24.489.573.180
Phải trả người bán khác	83.034.153.667	24.489.573.180
- Ocea Trading Co., Ltd	11.844.531.454	-
- Tai Foolg USD	42.695.261.228	-
- Nichiyo Trading Co. Ltd.	-	2.757.403.350
- FOOD PARTNERS CO SA	13.239.319.157	14.009.774.186
- Các khoản phải trả người bán khác	15.255.041.828	7.722.395.644
Phải trả bên liên quan	-	-
Cộng	<u>83.034.153.667</u>	<u>24.489.573.180</u>

Nợ quá hạn chưa thanh toán: Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Số đã nộp/khấu trừ	31/12/2017	
	Số phải thu <u>VND</u>	Số phải nộp <u>VND</u>		Số phải thu <u>VND</u>	Số phải nộp <u>VND</u>
Thuế TNCN	-	460.095.651	430.136.840	-	29.958.811
Thuế XNK	678.534.011	24.268.835	3.182.516	657.447.692	-
Thuế khác	-	316.651.200	316.651.200	-	-
Cộng	<u>678.534.011</u>	<u>801.015.686</u>	<u>749.970.556</u>	<u>657.447.692</u>	<u>29.958.811</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay cá nhân phải trả	<u>600.000.000</u>	<u>600.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
15.1 Phải trả khác ngắn hạn	4.353.819.935	4.798.404.120
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	357.165.788	467.874.390
Kinh phí công đoàn	1.659.927.767	1.690.188.687
Tiền thưởng sản lượng	1.488.635.541	1.422.199.806
Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công	507.471.388	524.141.013
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả khác	290.619.451	644.000.224
15.2 Phải trả khác dài hạn	36.768.924.787	38.404.640.841
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (*)	15.812.642.617	15.924.640.841
Phải trả cho ông Nguyễn Phát Quang (*)	9.676.282.170	9.800.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu (*)	1.280.000.000	1.680.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (*)	10.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	41.122.744.722	43.203.044.961

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là khoản phải trả (các bên liên quan) tiền mượn vốn kinh doanh tạm thời, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

16. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017	Trong năm		31/12/2017
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	83.602.345.046	110.086.935.629	136.509.041.513	57.180.239.162
- NH Ngoại thương 16.1	74.595.701.186	94.902.860.229	115.668.322.253	53.830.239.162
+ Vay VND	55.077.588.101	68.450.444.022	92.480.175.429	31.047.856.694
+ Vay USD	19.518.113.085	26.452.416.207	23.188.146.824	22.782.382.468
- NH Xuất nhập khẩu	7.992.643.860	-	7.992.643.860	-
- NH TMCP Nam Á	-	10.184.075.400	10.184.075.400	-
- Nguyễn T Kim Xuân	-	5.000.000.000	1.650.000.000	3.350.000.000
- Nguyễn T Kim Thu	-	120.000.000	120.000.000	-
- Nợ đến hạn trả	1.014.000.000	-	1.014.000.000	-
Vay dài hạn 16.2	9.600.000.000	8.018.000.000	11.398.000.000	6.220.000.000
- Nguyễn T Kim Xuân	6.600.000.000	4.000.000.000	6.600.000.000	4.000.000.000
- Nguyễn T Kim Thu	3.000.000.000	-	780.000.000	2.220.000.000
- Nguyễn T Kim Thủy	-	4.018.000.000	4.018.000.000	-
Cộng	93.202.345.046	118.104.935.629	147.907.041.513	63.400.239.162

(16.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0169/KHDN1/17NH ngày 16/8/2017. Hạn mức tín dụng tại ngày 31/12/2017 là 55 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 bao gồm 31.047.856.694 đồng và 1.002.084,12 USD. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Máy móc thiết bị đã qua sử dụng của công ty;
- Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà xưởng của công ty tại lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (tổng diện tích 14.593,90 m²);

(16.2) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất năm 2017 là 0% theo biên bản thỏa thuận lãi suất.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2017	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	31/12/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ khen thưởng	4.153.195.509	-	-	4.153.195.509
Quỹ phúc lợi	2.183.304.480	-	74.070.182	2.109.234.298
Cộng	6.336.499.989	-	74.070.182	6.262.429.807

18. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn <u>VND</u>	Quỹ đầu tư và phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
01/01/2016	128.070.000.000	24.156.097.000	20.879.178.468	6.805.486.069	179.910.761.537
Góp vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm	-	-	-	(31.835.237.673)	(31.835.237.673)
Trích quỹ	-	-	342.000.000	(342.000.000)	-
Chi cổ tức	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(60.261.069)	(60.261.069)
31/12/2016	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(25.432.012.673)	148.015.262.795
01/01/2017	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(25.432.012.673)	148.015.262.795
Góp vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm	-	-	-	(29.039.127.754)	(29.039.127.754)
Trích quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-
31/12/2017	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(54.471.140.427)	118.976.135.041

18.2. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2017 <u>VND</u>	Năm 2016 <u>VND</u>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	342.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	60.261.069
Trích cổ tức phải trả cổ đông	-	-
Cộng	-	402.261.069

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÚY SÂN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18.3. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.800.000	86.800.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**19.1. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	6.836,16	3.979,38
Euro (EUR)	543,75	548,92

19.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
HYL International	1.055.093.543	1.055.093.543
Công ty Biển Sáng	418.109.438	418.109.438
World Foods Co. Ltd.	177.046.800	177.046.800
IGLO GMBH	16.275.659	16.275.659
Nguyễn Văn Hiền	27.065.700	27.065.700
Cộng	1.693.591.140	1.693.591.140

Nguyên nhân xóa số nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và không có khả năng thanh toán nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	93.381.520.433	93.598.769.632
Doanh thu bán hàng nội địa	22.782.201.675	10.843.748.023
Doanh thu khác	11.285.064.855	7.068.601.938
	127.448.786.963	111.511.119.593
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng doanh thu thuần	127.448.786.963	111.511.119.593

Chi tiết doanh thu như sau:

	USD	VNĐ	Quy ra VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	4.226.804,47	-	93.381.520.433
Doanh thu bán hàng nội địa	-	22.782.201.675	22.782.201.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	11.285.064.855	11.285.064.855
Doanh thu khác	-	-	-
Cộng	4.226.804,47	34.067.266.530	127.448.786.963

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	113.087.940.215	94.025.396.874
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.868.792.599	-
Cộng	118.956.732.815	94.025.396.874

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.696.469	17.218.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	374.430.188	2.961.287.119
Cộng	376.126.657	2.978.505.519

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	4.583.926.939	6.702.785.768
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn và dài hạn	11.891.730.748	10.178.586.000
Lỗ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	936.518.679	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	857.577.447	3.071.602.453
Cộng	<u>18.269.753.813</u>	<u>19.952.974.221</u>

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.250.442.749	1.838.893.235
Chi phí vận chuyển	2.751.358.295	2.215.971.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.637.351	1.154.797.980
Chi phí bằng tiền khác	658.346.280	2.206.728.740
Cộng	<u>4.952.784.675</u>	<u>7.416.391.159</u>

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên quản lý	9.549.488.080	8.948.603.229
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	316.179.437	69.767.393
Chi phí khấu hao TSCĐ	456.930.097	472.501.833
Chi phí dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	1.428.114.204	6.910.164.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.747.993.312	1.253.595.807
Chi phí bằng tiền khác	1.153.219.950	2.995.018.536
Cộng	<u>14.651.925.080</u>	<u>20.649.651.396</u>

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản thu:		
Các khoản thu nhập khác	7.172.084	5.388.446
Cộng	<u>7.172.084</u>	<u>5.388.446</u>
Các khoản chi :		
Thuế bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	40.017.075	4.156.202.537
Các khoản chi phí khác	-	129.635.044
Cộng	<u>40.017.075</u>	<u>4.285.837.581</u>
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>(32.844.991)</u>	<u>(4.280.449.135)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	(29.039.127.754)	(31.835.237.673)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	40.017.075	4.156.202.537
Thu nhập chịu thuế	(28.999.110.679)	(27.679.035.136)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.039.127.754)	(31.835.237.673)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	(29.039.127.754)	(31.835.237.673)
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	(2.267)	(2.486)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	188.110.691.513	200.227.708.664
Chi phí nhân công	28.435.387.679	26.937.580.634
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.495.594.368	3.994.563.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.779.455.695	19.920.026.371
Chi phí khác	1.811.566.230	5.159.663.213
Cộng	236.632.695.485	256.239.542.394

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Quản lý rủi ro vốn: Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.100.778	2.257.357.063
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.201.800.588	32.026.114.429
Đầu tư ngắn hạn	182.970.600	162.205.200
Đầu tư dài hạn	24.602.512.825	42.441.625.037
Tổng cộng	49.385.384.791	76.887.301.729
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	63.400.239.162	93.202.345.046
Phải trả người bán và phải trả khác	124.156.898.389	67.692.618.141
Chi phí phải trả	600.000.000	600.000.000
Tổng cộng	188.157.137.551	161.494.963.187

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dự nợ ngoại tệ ở mức thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR như sau:**

	(USD)		(EUR)	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.836,16	3.979,38	543,75	548,92
Phải thu khách hàng, phải thu khác	709.082,15	818.326,52	-	-
Cộng	715.918,31	822.305,90	543,75	548,92
	(USD)		(EUR)	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
Công nợ phải trả				
Các khoản vay	1.002.084,12	856.433,22	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.384.836,49	846.360,50	-	-
Cộng	4.386.920,61	1.702.793,72	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm VNĐ	Từ 01 - 05 năm VNĐ	Tổng VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2017			
Các khoản vay	57.180.239.162	6.220.000.000	63.400.239.162
Phải trả người bán và phải trả khác	87.387.973.602	36.768.924.787	124.156.898.389
Chi phí phải trả	600.000.000	-	600.000.000
Cộng	145.168.212.764	42.988.924.787	188.157.137.551
Tại ngày 01/01/2017			
Các khoản vay	83.602.345.046	9.600.000.000	93.202.345.046
Phải trả người bán và phải trả khác	29.287.977.300	38.404.640.841	67.692.618.141
Chi phí phải trả	600.000.000	-	600.000.000
Cộng	113.490.322.346	48.004.640.841	161.494.963.187
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.100.778	-	398.100.778
Phải thu khách hàng và phải thu	15.301.004.807	-	15.301.004.807
Đầu tư ngắn và dài hạn	- 182.970.600	24.602.512.825	24.785.483.425
Cộng	15.882.076.185	24.602.512.825	40.484.589.010
Tại ngày 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.257.357.063	-	2.257.357.063
Phải thu khách hàng và phải thu	17.074.657.160	-	17.074.657.160
Đầu tư ngắn và dài hạn	162.205.200	42.441.625.037	42.603.830.237
Cộng	19.494.219.423	42.441.625.037	61.935.844.460

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (thuyết minh tại Mục số 16 - Phần IV - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	Tăng (giảm)	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	531.000.000	(348.029.400)	182.970.600	(348.029.400)
- Chứng khoán	531.000.000	(348.029.400)	182.970.600	(348.029.400)
Đầu tư dài hạn	37.211.425.650	(12.608.912.825)	-	(12.608.912.825)
- Công ty liên kết	14.992.000.000	(1.499.200.000)	-	(1.499.200.000)
- Đầu tư dài hạn khác	22.219.425.650	(11.109.712.825)	-	(11.109.712.825)
Cộng	37.742.425.650	(12.956.942.225)	182.970.600	(12.956.942.225)
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	531.000.000	(368.794.800)	162.205.200	(368.794.800)
- Chứng khoán	531.000.000	(368.794.800)	162.205.200	(368.794.800)
Đầu tư dài hạn	55.488.545.524	(13.046.920.000)	-	(13.046.920.000)
- Công ty liên kết	18.534.213.101	(2.946.920.000)	-	(2.946.920.000)
- Đầu tư dài hạn khác	36.954.332.423	(10.100.000.000)	-	(10.100.000.000)
Cộng	56.019.545.524	(13.415.714.800)	162.205.200	(13.415.714.800)

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (31/12/2017).

Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

11. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả đối với các bên liên quan như sau:

		31/12/2017	01/01/2017
Nợ phải thu			
Incomfish US	USD	4.539,80	-
Incomfish US	VNĐ	462.491.763	462.491.763
Nợ phải trả			
Bà Nguyễn Thị Kim thủy	VNĐ	10.000.000.000	11.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VNĐ	23.162.642.617	22.524.640.841
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VNĐ	3.500.000.000	4.680.000.000
Ông Nguyễn Phát Quang	VNĐ	9.676.282.170	9.800.000.000

Tiền lương và phụ cấp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 là 2.697.131.299 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong năm, Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được căn cứ trên báo cáo kiểm toán năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



LẠI TUYẾT THANH

Người lập

Ngày 25 tháng 03 năm 2018



LẠI TUYẾT THANH

Kê toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG

Tổng Giám đốc